

Số: 1470/2018/QĐHNGĐ-ST

Gò Vấp, ngày 17 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1303/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Đường T, Phường N, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Quang P, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Đường L, Phường N, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh T và Ông Lê Quang P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/2012 không còn hiệu lực).

- Về con chung: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng các trẻ Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 18/5/2012; Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày 11/01/2014 và Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 23/10/2017. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bà T và ông P mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà T và ông P đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001155 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. HCM.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- UBND P5, Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Việt Hà